

Bản tin pháp lý

Tháng 12/2019

Nội dung

Các văn bản quan trọng	2
Các lĩnh vực khác:	18
Tài chính.....	18
Ngân hàng.....	18
Thương mại.....	20
Y tế.....	20
Giao thông vận tải.....	21
Xây dựng.....	21
Đất đai.....	22
Tài nguyên - Môi trường.....	22
Thông tin - Truyền thông.....	23
Hành chính - Tư pháp.....	24
Văn bản khác.....	25
Địa chỉ liên hệ	26

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2019. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Các văn bản quan trọng

1. 3 trường hợp tổ chức tín dụng không cần dự trữ bắt buộc

Ngày 27/12/2019, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 30/2019/TT-NHNN quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, những TCTD thuộc các trường hợp sau đây không cần thực hiện dự trữ bắt buộc:

- (a) TCTD được kiểm soát đặc biệt: thời gian không thực hiện dự trữ là từ tháng tiếp theo tháng TCTD đó bị Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, đến hết tháng được chấm dứt kiểm soát đặc biệt;
- (b) TCTD chưa khai trương hoạt động không thực hiện dự trữ bắt buộc cho đến hết tháng TCTD khai trương hoạt động;
- (c) TCTD được chấp thuận giải thể hoặc có quyết định mở thủ tục phá sản hoặc có quyết định thu hồi Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian không thực hiện dự trữ là từ tháng tiếp theo tháng TCTD được chấp thuận giải thể hoặc quyết định mở thủ tục phá sản, thu hồi Giấy phép có hiệu lực.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2020.

2. Bổ sung 20 nhóm công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển

Đây là nội dung tại Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Theo đó, bổ sung 20 nhóm công nghệ cao vào Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014, đơn cử như:

- (a) Công nghệ cơ giới hóa, tự động hóa: Trong khai thác, phân loại lâm sản rừng trồng, trong đánh bắt thủy sản; trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch nông lâm sản;
- (b) Công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy lạnh, sấy thăng hoa, sấy chân không trong chế biến, bảo quản nông sản;
- (c) Công nghệ sinh học xử lý phế phụ phẩm nông, lâm, thủy sản; xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng;

- (d) Công nghệ thâm canh, quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm; công nghệ nuôi siêu thâm canh thủy sản...

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03/02/2019.

3. Tổng hợp những điểm mới của Bộ luật Lao động 2019

Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019 (“BLLĐ 2019”) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và như vậy BLLĐ 2012 hiện hành sẽ bị thay thế sau 9 năm hiệu lực. Sự ra đời của BLLĐ 2019 không chỉ là kết quả tất yếu của sự vận hành pháp lý và đáp ứng thị trường lao động đang ngày càng thay đổi mà còn do sự ảnh hưởng đáng kể từ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, tiêu biểu như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Dưới đây là những điểm mới đáng chú ý nhất của Bộ luật này.

(a) Mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh

BLLĐ mới mở rộng thêm đối tượng áp dụng và bổ sung định nghĩa về người làm việc không có quan hệ lao động “là người làm việc không trên cơ sở thuê mướn bằng hợp đồng lao động” cùng một số tiêu chuẩn riêng. Có thể thấy đây là một bước tiến để bảo vệ những người làm công việc theo các tiêu chuẩn và điều kiện như các tiêu chuẩn và điều kiện lao động mà BLLĐ 2012 chưa làm được. Cụ thể, BLLĐ 2019 quy định rằng chế độ lao động cho nhóm đối tượng này do các văn bản pháp luật khác quy định nhưng sẽ được áp dụng một số quy định trong Bộ luật này.

(b) Những thay đổi đáng lưu ý đối với hợp đồng lao động

- (i) Không còn hợp đồng lao động theo mùa vụ: Điều 20 BLLĐ 2019 đã bỏ nội dung về hợp đồng mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng, theo đó chỉ còn 02 loại hợp đồng là: hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn.
- (ii) Ghi nhận hình thức hợp đồng lao động điện tử: Xuất phát từ thực tiễn phát triển của khoa học công nghệ, Điều 14 của BLLĐ mới đã ghi nhận thêm hình thức giao kết hợp đồng lao động thông qua phương tiện điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản.
- (iii) Được ký kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn với người lao động cao tuổi, người lao động nước ngoài. Cụ thể:
- Thông thường, người lao động cao tuổi thường là những người có nhiều năm làm việc với nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là những

công việc yêu cầu trình độ cao. Do đó, để phát huy giá trị của người lao động cao tuổi, Điều 149 BLLĐ 2019 cho phép người sử dụng lao động *thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn với người cao tuổi* thay vì kéo dài thời hạn hợp đồng lao động hoặc giao kết hợp đồng lao động mới như trước đây.

- Hiện nay, đối với người lao động nước ngoài, các doanh nghiệp thường lựa chọn ký hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn hợp đồng tối đa 2 năm. Thực tiễn này xuất phát từ quy định về thời hạn tối đa của giấy phép lao động là 2 năm; trong khi đó, Điều 174 của BLLĐ hiện hành lại quy định giấy phép lao động sẽ hết hiệu lực trong trường hợp nội dung của hợp đồng lao động không đúng với nội dung của giấy phép lao động đã được cấp.

Tuy nhiên, việc giới hạn ký tối đa 02 hợp đồng lao động xác định thời hạn nêu tại phần đầu khiến các doanh nghiệp bối rối về việc xác định loại hợp đồng khi ký kết hợp đồng lao động lần thứ ba, sẽ là hợp đồng lao động xác định thời hạn hay hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Để giải quyết vấn đề này, Điều 151.2 BLLĐ 2019 cho phép người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài *thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn*.

- (iv) Tăng khả năng nhận diện hợp đồng lao động: Theo Điều 13.1 BLLĐ 2019, hợp đồng lao động sẽ được nhận diện căn cứ vào bản chất từ các quy định mang tính chất lao động như công việc phải hoàn thành, lương, thưởng, v.v. cho dù hợp đồng đó được gọi bằng bất cứ tên gọi nào. Quy định này là cần thiết để đảm bảo việc kiểm soát việc lách các quy định của luật, dùng tên gọi khác để né tránh trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng lao động như quy định về tiền lương, trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động.
- (v) Cấm buộc người lao động làm việc để trả nợ: Điều 17 của BLLĐ mới đã liệt kê cụ thể một số hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết và trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng lao động. Bên cạnh những hành vi đã được quy định tại BLLĐ 2012 như giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ hay yêu cầu người lao động thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng thì BLLĐ 2019 đã bổ sung thêm hành vi buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho mình.

(c) Những thay đổi về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Thêm quy định về thời gian thử việc: BLLĐ 2019 đã bổ sung thêm quy định về thời gian thử việc không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Tăng thời giờ làm thêm theo tháng lên 40 giờ: BLLĐ 2019 giữ nguyên thời gian làm việc bình thường và thời gian làm thêm tối đa theo năm. Điều khác biệt duy nhất là thời gian làm thêm trong tháng tăng lên 40 giờ thay vì 30 giờ và các trường hợp được làm thêm tới 300 giờ/năm được quy định cụ thể hơn như sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm là hàng dệt, may, da, giày, linh kiện điện, điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản; cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước...
- Không phải rút ngắn thời giờ làm việc cho người sắp về hưu: BLLĐ 2019 đã bãi bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 166 BLLĐ 2012 theo đó: *“Năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu, người lao động được rút ngắn thời giờ làm việc bình thường hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian.”* Vì vậy, doanh nghiệp được bớt một “gánh nặng” khi phải đảm bảo giữa thời giờ làm việc và chất lượng công việc của những người sắp về hưu.
- Tăng tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường: Điều 169 BLLĐ 2019 điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của người lao động làm việc trong điều kiện bình thường từ nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi quy định tại Điều 187.1 của BLLĐ 2012 theo lộ trình: Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với nam; đủ 55 tuổi 04 tháng đối với nữ. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng với lao động nam; 04 tháng với lao động nữ cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.
- Thêm trường hợp nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương: Ngoài các trường hợp nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương như quy định của BLLĐ hiện hành (Bản thân kết hôn: nghỉ 03 ngày; Con kết hôn: nghỉ 01 ngày; Bố/mẹ đẻ, bố/mẹ vợ hoặc bố/mẹ chồng chết: nghỉ 03 ngày...) thì Điều 115 của BLLĐ mới đã bổ sung thêm trường hợp cha/ mẹ nuôi chết, người lao động cũng được nghỉ 03 ngày như trường hợp bố/mẹ đẻ, bố/mẹ chồng, hay bố/mẹ vợ chết.

- Quốc khánh được nghỉ 2 ngày: Đối với những ngày nghỉ lễ, Tết hàng năm mà người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương, Điều 112 BLLĐ 2019 bổ sung thêm 01 ngày nghỉ cho dịp lễ Quốc khánh, cụ thể là 01 ngày liền kề trước hoặc sau ngày 02 tháng 9 dương lịch (01/9 hoặc 03/9 Dương lịch) tùy theo từng năm. Như vậy, tổng số ngày nghỉ lễ, Tết hàng năm sẽ nâng lên 11 ngày.
- Bắt buộc phải nghỉ hàng năm: Ngày nghỉ hàng năm được hưởng nguyên lương là quyền lợi mà của người lao động được hưởng và pháp luật lao động khuyến khích người lao động tạo nghỉ hàng năm. Tuy nhiên, liên quan đến ngày nghỉ hàng năm, trong khi BLLĐ 1994 (Điều 76.3) và BLLĐ 2012 (Điều 114.1) quy định rằng *người lao động vì các lý do khác mà chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm, thì được trả lương những ngày chưa nghỉ*, thì BLLĐ 2019 đã xóa bỏ quy định này. Như vậy, theo BLLĐ mới, bắt buộc phải nghỉ hàng năm trong mọi trường hợp. Bên cạnh đó, người sử dụng lao động **có trách nhiệm** quy định lịch nghỉ hàng năm sau khi tham khảo ý kiến của người lao động và phải thông báo trước cho người lao động biết, trong khi theo quy định của BLLĐ 2012 quy định rằng người sử dụng lao động **có quyền quy định** lịch nghỉ hàng năm nói trên.

(d) Những thay đổi về tiền lương, thưởng

BLLĐ 2019 bổ sung thêm nhiều ràng buộc trong việc trả lương, thưởng cho người lao động, có thể kể đến:

- (i) Người lao động có thể ủy quyền hợp pháp cho người khác nhận lương thay;
- (ii) Khi trả lương qua ngân hàng, người sử dụng lao động phải trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương, thay vì để cho hai bên tự thỏa thuận như hiện nay;
- (iii) Người sử dụng lao động bị cấm ép buộc người lao động dùng lương để mua hàng hóa, dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định;
- (iv) Người lao động có thể được "thưởng" không chỉ bằng tiền;
- (v) Khi trả lương, doanh nghiệp phải gửi bảng kê chi tiết cho người lao động, trong đó ghi rõ tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, nội dung và số tiền bị khấu trừ (nếu có).

Tuy nhiên, Nhà nước không còn can thiệp trực tiếp vào chế độ tiền lương, thưởng của doanh nghiệp do BLLĐ 2019 đã xóa bỏ quy định tại Điều 93.2 BLLĐ 2012 như sau: "*Khi xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao*

động người sử dụng lao động gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện nơi đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động”.

(e) Lưu ý khi sử dụng lao động nữ

Để đảm bảo quyền lợi cho lao động nữ, BLLĐ 2019 đã bổ sung một số chính sách mà doanh nghiệp đặc biệt phải lưu ý, đó là:

- (i) Lao động nữ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con khi mang thai, có thông báo cho người sử dụng lao động biết thì người sử dụng phải chuyển sang làm công việc nhẹ hơn, an toàn hơn hoặc giảm bớt 01 giờ làm việc/ngày mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi (chế độ này hiện chỉ áp dụng với lao động nữ làm công việc nặng nhọc khi mang thai từ tháng thứ 07);
- (ii) Hợp đồng lao động hết hạn trong thời gian lao động nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì phải ưu tiên giao kết hợp đồng lao động mới.

(f) Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

- (i) Điều 35 BLLĐ 2019 cho phép người lao động được quyền *đơn phương chấm dứt hợp đồng không cần lý do* mà chỉ cần báo trước ít nhất 03 ngày làm việc đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng, 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng, và 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn.

Thậm chí, trong một số trường hợp, người lao động còn được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước, như không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn; bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc; đủ tuổi nghỉ hưu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- (ii) Điều 36 BLLĐ 2019 cho phép người sử dụng lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước trong các trường hợp: Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động; Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên.

(g) Sửa đổi, bổ sung nội dung nội quy lao động của doanh nghiệp

Nội dung nội quy lao động được quy định chi tiết tại Điều 118.2 BLLĐ 2019 và phải có 09 nội dung cơ bản: (i) Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; (ii) Trật tự tại nơi làm việc; (iii) An toàn, vệ sinh lao động; (iv) Phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; (v) Việc bảo vệ tài sản và bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động; (vi) Trường hợp được tạm thời chuyển

người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động; (vii) Các hành vi vi phạm kỷ luật lao động của người lao động và các hình thức xử lý kỷ luật lao động; (viii) Trách nhiệm vật chất; (ix) Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

Với những nội dung mới được đề cập tại BLLĐ 2019, nếu nội quy lao động trước đây chưa có thì doanh nghiệp phải tiến hành sửa đổi, bổ sung đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(h) Sa thải người lao động quấy rối tình dục tại nơi làm việc

Điều 125 BLLĐ 2019 nêu rõ áp dụng hình thức sa thải đối với người lao động có hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Trong đó, quấy rối tình dục tại nơi làm việc là hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận. Nơi làm việc là bất kỳ nơi nào mà người lao động thực tế làm việc theo thỏa thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động.

Như vậy, BLLĐ 2019 vẫn chưa giải quyết được tình trạng người lao động có hành vi quấy rối tình dục đối với đồng nghiệp ngoài nơi làm việc nhằm đảm bảo môi trường làm việc trong doanh nghiệp, chất lượng và hiệu quả công việc của những người lao động khác.

(i) Được kéo dài thời gian thực hiện trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng

Thay vì 07 ngày làm việc theo BLLĐ 2012, Điều 48 BLLĐ 2019 cho phép doanh nghiệp kéo dài thời gian thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của người lao động lên tới 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng; và quy định chi tiết những trường hợp đặc biệt có thể kéo dài thêm nhưng cũng không quá 30 ngày như người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động; người sử dụng lao động thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc cho thôi việc vì lý do kinh tế; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập...

Đáng chú ý, cũng tại điều khoản này, BLLĐ mới đã bổ sung quy định người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp bản sao các tài liệu liên quan đến quá trình làm việc của người lao động nếu người lao động có yêu cầu. Mọi chi phí sao, gửi tài liệu sẽ do người sử dụng lao động chi trả.

(j) Có thêm một tổ chức đại diện độc lập của tập thể người lao động tại cơ sở

Lần đầu tiên, BLLĐ mới công nhận quyền của người lao động được thành lập và tham gia một tổ chức đại diện của riêng người lao động độc lập với cơ quan quản lý Nhà nước về lao động. Cụ thể, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.

Mặc dù, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động, thay đổi này vẫn được xem là bước tiến quan trọng trong việc cải thiện quá trình thương lượng tập thể và các quy định nội bộ như nội quy lao động, thang, bảng lương, quy chế thưởng, v.v. còn đang bị ảnh hưởng bởi các cơ quan quản lý Nhà nước về lao động.

(k) Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc 1 năm/lần

Thay vì tổ chức định kỳ 03 tháng/lần như hiện nay thì Khoản 1 Điều 63 BLLĐ 2019 đã *giãn thời gian tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc lên 1 năm/lần*; đồng thời, bổ sung thêm một số trường hợp người sử dụng lao động phải tổ chức đối thoại như vì lý do kinh tế mà nhiều người lao động có nguy cơ mất việc làm, phải thôi việc; khi xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động...

(l) Giải quyết tranh chấp lao động bằng trọng tài

Theo BLLĐ hiện hành, thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân chỉ bao gồm hòa giải viên lao động và tòa án nhân dân. Nay BLLĐ mới cho phép hội đồng trọng tài lao động giải quyết tranh chấp lao động cá nhân trên cơ sở đồng thuận của các bên trong các trường hợp nhất định bao gồm: Trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải, hoặc trường hợp hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc trường hợp hòa giải không thành.

Như vậy, những cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động theo BLLĐ 2019 bao gồm:

- (i) Đối với tranh chấp cá nhân (Điều 187): Hòa giải viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động; Tòa án nhân dân;
- (ii) Đối với tranh chấp tập thể về quyền (Điều 191): Hòa giải viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động; Tòa án nhân dân;
- (iii) Đối với tranh chấp tập thể về lợi ích (Điều 195): Hòa giải viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động;

và các bên không còn phải gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp tới UBND cấp huyện.

4. 6 điểm mới trong thủ tục làm hộ chiếu từ ngày 01/7/2020

Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019 (“Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam”) với nhiều điểm mới trong thủ tục làm hộ chiếu phổ thông từ ngày 01/7/2020, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công dân về xuất nhập cảnh. Cụ thể là:

(a) Chỉ còn 4 loại giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh

Theo Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam, giấy tờ xuất nhập cảnh chỉ gồm 04 loại sau:

- (i) Hộ chiếu ngoại giao;
- (ii) Hộ chiếu công vụ;
- (iii) Hộ chiếu phổ thông;
- (iv) Giấy thông hành.

Theo đó, giấy tờ xuất nhập cảnh không còn bao gồm Hộ chiếu thuyền viên nữa. Đồng thời, Luật mới cũng chỉ gọi chung là Giấy thông hành thay vì 04 loại Giấy thông hành như hiện nay (*Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành nhập xuất cảnh; Giấy thông hành hồi hương; Giấy thông hành*).

(b) Có Căn cước công dân sẽ được cấp hộ chiếu ở bất cứ đâu

Theo Khoản 3 Điều 15 Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam, người đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu thực hiện tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú hoặc nơi tạm trú.

Riêng người có thẻ Căn cước công dân thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi.

Như vậy, người có thẻ Căn cước công dân đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu được lựa chọn nơi cấp hộ chiếu sao cho thuận lợi thay vì phải thực hiện ở nơi thường trú hoặc nơi tạm trú như hiện nay.

Đồng thời, người đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông từ lần thứ 02 cũng sẽ được thực hiện tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thuận lợi hoặc cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Thay vì, như hiện nay, chỉ trường hợp cấp lại hộ chiếu còn thời hạn mới được làm thủ tục tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an còn hộ chiếu hết hạn sẽ phải về Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú hoặc nơi tạm trú.

(c) Hộ chiếu được cấp riêng cho từng người

Hiện nay, trẻ em dưới 9 tuổi được cấp chung vào hộ chiếu phổ thông của cha hoặc của mẹ nếu có đề nghị của cha hoặc mẹ trẻ em đó, có thời hạn 05 năm (khoản 3 Điều 5 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 08 năm 2007 về xuất cảnh, nhập cảnh; được sửa đổi bằng Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015).

Tuy nhiên, Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam không đề cập tới việc cấp chung hộ chiếu. Theo đó, hộ chiếu phổ thông được cấp cho mọi công dân Việt Nam sử dụng để xuất cảnh, nhập cảnh, chứng minh quốc tịch và nhân thân. Đây là giấy tờ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

Thời hạn sử dụng của hộ chiếu phổ thông về cơ bản vẫn được giữ nguyên như hiện nay, cụ thể:

- (i) Hộ chiếu cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn 10 năm và không gia hạn;
- (ii) Hộ chiếu cấp cho người chưa đủ 14 tuổi có thời hạn 05 năm và không được gia hạn.

(d) Hộ chiếu của người từ đủ 14 tuổi trở lên có gắn chip điện tử

Hộ chiếu có gắn chip điện tử là hộ chiếu có gắn thiết bị điện tử lưu giữ thông tin được mã hóa của cá nhân người mang hộ chiếu và chữ ký số của người cấp.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền lựa chọn cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử hoặc hộ chiếu không gắn chip điện tử. Người đề nghị cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử lần đầu sẽ phải *chụp ảnh, thu thập vân tay*.

Bộ Công an sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng, quản lý Trung tâm chứng thư số quốc gia phục vụ việc xác thực, kiểm soát hộ chiếu có gắn chip điện tử và chia sẻ, trao đổi với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.

(e) 4 trường hợp cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn

Hộ chiếu phổ thông được cấp theo thủ tục rút gọn cho các đối tượng sau:

- (i) Người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu phổ thông, có nguyện vọng về nước ngay;
- (ii) Người có quyết định trực xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu;
- (iii) Người phải về nước theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Việt Nam với nước sở tại về việc nhận trở lại công dân;
- (iv) Người được cấp hộ chiếu phổ thông vì lý do quốc phòng, an ninh.

Ngoài ra, hộ chiếu không gắn chip điện tử cũng sẽ được cấp theo thủ tục rút gọn. Theo đó, hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

(f) Được quyền tùy chọn nơi trả hộ chiếu

Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định, người đề nghị cấp hộ chiếu có yêu cầu nhận kết quả tại địa điểm khác với cơ quan nơi thực hiện cấp hộ chiếu thì phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

Theo đó, người đề nghị cấp hộ chiếu có quyền lựa chọn nơi trả hộ chiếu. Điều này sẽ tạo thuận lợi tối đa cho người dân không phải đi lại nhiều.

Thực tế, hiện nay, việc người đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu có thể nhận kết quả tại địa chỉ đã đăng ký với doanh nghiệp bưu chính đã được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2016/TT-BCA ngày 06 tháng 7 năm

2016 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước cho công dân Việt Nam.

Song, không phải ai cũng biết điều này nên nhiều người vẫn nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.

5. 5 điểm mới về xuất nhập cảnh của người nước ngoài

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quốc hội thông qua Luật số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, trong đó quy định nhiều điểm mới về xuất nhập cảnh của người nước ngoài (“Luật 2019”). Cụ thể là:

(a) Sửa đổi, bổ sung loại thị thực

Theo đó, thị thực có ký hiệu “LĐ” (được hiểu là thị thực cấp cho người nước ngoài vào Việt Nam lao động theo quy định hiện hành) sẽ được sửa đổi, bổ sung như sau:

- (i) **LĐ1:** Cấp cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có xác nhận không thuộc diện cấp Giấy phép lao động, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác;
- (ii) **LĐ2:** Cấp cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc diện phải có Giấy phép lao động.

Ngoài ra, thị thực ký hiệu DN (cấp cho người vào làm việc với doanh nghiệp tại Việt Nam) cũng được sửa đổi, bổ sung thành:

- (i) **DN1:** Cấp cho người nước ngoài vào làm việc với doanh nghiệp, tổ chức khác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- (ii) **DN2:** Cấp cho người nước ngoài vào chào bán dịch vụ, thành lập hiện diện thương mại, thực hiện các hoạt động khác theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

(b) Trình tự, thủ tục cấp thị thực điện tử

Khoản 9 Điều 1 Luật 2019 bổ sung quy định cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài như sau:

Bước 1. Truy cập, khai báo thông tin

Truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử để khai thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử, tải ảnh và trang nhân thân hộ chiếu.

Bước 2. Nộp phí cấp thị thực

Nộp phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử sau khi nhận mã hồ sơ điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Bước 3. Xử lý yêu cầu

Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời người đề nghị cấp thị thực điện tử tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực.

Bước 4. Nhận kết quả

Người nước ngoài được cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử để kiểm tra và in kết quả giải quyết tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.

(c) 4 trường hợp được chuyển đổi mục đích thị thực

Theo Khoản 2 Điều 1 Luật 2019, các trường hợp thị thực được chuyển đổi mục đích gồm:

- (i) Có giấy tờ chứng minh là nhà đầu tư hoặc người đại diện cho tổ chức nước ngoài đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- (ii) Có giấy tờ chứng minh quan hệ là cha, mẹ, vợ, chồng, con với cá nhân mời, bảo lãnh;
- (iii) Được cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh vào làm việc và có giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- (iv) Nhập cảnh bằng thị thực điện tử và có giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Đây là quy định phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài có điều kiện tiếp tục ở lại Việt Nam mà không phải mất thời gian, chi phí để làm thủ tục xuất cảnh rồi nhập cảnh. Tuy nhiên, để được chuyển mục đích thị thực phải thuộc một trong các trường hợp trên và có giấy tờ chứng minh.

(d) Sửa đổi điều kiện xuất cảnh, nhập cảnh

(i) *Sửa đổi điều kiện nhập cảnh*

Theo Khoản 11 Điều 1 Luật 2019, người nước ngoài được nhập cảnh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định.
- Không thuộc trường hợp chưa cho nhập cảnh.

Lưu ý: Trường hợp người nước ngoài sử dụng thị thực điện tử nhập cảnh phải có đủ các điều kiện như trên và nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế do Chính phủ quy định.

(ii) *Sửa đổi điều kiện xuất cảnh*

Người nước ngoài được xuất cảnh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau được quy định tại Khoản 12 Điều 1 Luật 2019:

- (i) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;
- (ii) Chứng nhận tạm trú, thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú còn giá trị;
- (iii) Không thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định.

Lưu ý: Trường hợp người nước ngoài sử dụng thị thực điện tử xuất cảnh phải có đủ các điều kiện như trên và xuất cảnh qua các cửa khẩu quốc tế do Chính phủ quy định.

(e) Các trường hợp người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú

Theo quy định của luật mới, các trường hợp người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú gồm:

- (iv) Người nước ngoài là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc Liên hợp quốc, tổ chức liên chính phủ tại Việt Nam và vợ, chồng, con dưới 18 tuổi, người giúp việc cùng đi theo nhiệm kỳ;
- (v) Người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực có ký hiệu là LV1, LV2, LS, ĐT1, ĐT2, ĐT3, NN1, NN2, DH, PV1, LĐ1, LĐ2, TT.
- (f) Miễn thị thực vào khu kinh tế ven biển

Khoản 7 Điều 1 Luật 2019 bổ sung thêm một trường hợp được miễn thị thực đó là trường hợp vào khu kinh tế ven biển theo quyết định của Chính phủ.

Việt Nam có nhiều khu kinh tế ven biển nhưng không phải khu kinh tế ven biển nào cũng được miễn thị thực. Khu kinh tế ven biển miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh phải đáp ứng đủ các điều kiện như:

- (i) Có sân bay quốc tế;
- (ii) Có không gian riêng biệt;
- (iii) Có ranh giới địa lý xác định, được cách biệt với đất liền;
- (iv) Phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.

Như vậy, không phải tất cả các khu kinh tế ven biển đều được miễn thị thực vì khó khăn trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và quản lý hoạt động của người nước ngoài.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

6. Tổng hợp những điểm mới của Luật Chứng khoán 2019

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, Quốc hội đã thông qua Luật Chứng khoán 2019 thay thế Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 (“Luật Chứng khoán 2006”). Dưới đây là tổng hợp những điểm mới của Luật Chứng khoán 2019.

- (a) Sẽ thành lập 1 sở giao dịch chứng khoán khi có đủ điều kiện

Theo Quốc hội, trước mắt chưa thể thực hiện ngay việc cơ cấu, sáp nhập 02 sở giao dịch chứng khoán hiện nay mà theo hướng phân định lại chức năng, nhiệm vụ của từng sở giao dịch để tổ chức, vận hành thị trường chứng khoán nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các sở giao dịch.

Theo đó, toàn bộ giao dịch trái phiếu và chứng khoán phái sinh sẽ được thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; giao dịch cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó sẽ tiến tới thống nhất một hệ thống chỉ số giao dịch.

Hiện nay, theo Luật Chứng khoán 2019, thị trường giao dịch chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con tổ chức. Theo đó, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp, do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần biểu quyết (theo khoản 1 Điều 43 Luật Chứng khoán 2019).

(b) Bổ sung thêm nhiều hành vi bị cấm

Khác với những hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Chứng khoán 2006, tại Điều 12 Luật Chứng khoán 2019 quy định thêm các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chứng khoán như:

- (i) Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo;
- (ii) Sử dụng tài khoản, tài sản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác hoặc trái quy định của pháp luật hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của khách hàng.
- (iii) Cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán, đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng giá chứng khoán.

Như vậy, có thể thấy Luật Chứng khoán 2019 đã bổ sung thêm và quy định rõ hơn các hành vi bị nghiêm cấm để phù hợp với thực tiễn. Tùy vào tính chất và mức độ vi phạm của hành vi mà bị xử lý vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại, truy cứu trách nhiệm hình sự.

(c) Phải đưa cổ phiếu, trái phiếu lên sàn khi kết thúc đợt chào bán

Theo điểm h khoản 1 và điểm i khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019, tổ chức phát hành có văn bản cam kết đáp ứng điều kiện, làm cơ sở cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước xem xét, chấp thuận việc đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Đồng thời cổ phiếu, trái phiếu này phải được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

(d) Chào bán chứng khoán được thống nhất với Luật Doanh nghiệp

Điều 30 Luật Chứng khoán 2019 quy định: "*Chào bán chứng khoán riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan*".

Hiện nay, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã quy định về chào bán cổ phần riêng lẻ tại Điều 123 và chào bán trái phiếu riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng tại Điều 127 và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 9. Do đó sẽ thống nhất quy định chào bán chứng khoán riêng lẻ với Luật Doanh nghiệp, tránh tình trạng một vấn đề mà do 02 Luật cùng điều chỉnh.

(e) Quy định chặt chẽ điều kiện bán cổ phiếu của công ty

Theo khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019, công ty cổ phần chỉ được chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng nếu đáp ứng đủ các điều kiện:

- (i) Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- (ii) Hoạt động kinh doanh của 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi; đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;
- (iii) Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- (iv) Tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn; trường hợp vốn điều lệ của tổ chức phát hành từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;
- (v) Cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu 01 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
- (vi) Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- (vii) Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán;
- (viii) Có cam kết và phải thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- (ix) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán.

(f) Chỉ được bán thêm cổ phiếu nếu có lãi

Theo khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019, để chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thì hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán của công ty đại chúng phải có lãi; đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán.

Ngoài ra, giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ trường hợp có bảo lãnh:

- (i) Phát hành với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành;
- (ii) Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- (iii) Phát hành để hoán đổi, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

Quy định này nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp tăng vốn quá nhanh, trong khi quản trị doanh nghiệp không theo kịp. Qua đó, nhằm bảo đảm việc huy động vốn của doanh nghiệp phải gắn với việc sử dụng vốn và bảo vệ các cổ đông thiểu số trong trường hợp không có đủ khả năng tài chính để thực hiện quyền mua cổ phiếu.

(g) Sẽ thành lập Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

Khoản 1 Điều 52 Luật Chứng khoán 2019 quy định: “*Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này và Luật Doanh nghiệp, do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết*”.

Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có các quyền như:

- (i) Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo yêu cầu của khách hàng; cung cấp các dịch vụ khác theo Điều lệ;
- (ii) Thực hiện cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế cho các loại chứng khoán đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- (iii) Chấp thuận, thay đổi, hủy bỏ đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam...

Luật Chứng khoán 2019 sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;
- Quyết định số 2623/QĐ-BTC ngày 10/12/2019 của Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 1813/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC áp dụng trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc và trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 29/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 sửa đổi Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn Nghị định số 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;
- Thông tư số 87/2019/TT-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước.

Ngân hàng

- Quyết định số 2658/QĐ-NHNN ngày 27/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực hoạt động tiền tệ, lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quyết định số 2562/QĐ-NHNN ngày 11/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thông tư số 37/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm;

- Thông tư số 36/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia;
- Thông tư số 34/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với nguồn vốn ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vĩ mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;
- Thông tư số 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 34/2013/TT-NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 31/2019/TT-NHNN ngày 30/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô;
- Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 28/2019/TT-NHNN ngày 25/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;
- Thông tư số 27/2019/TT-NHNN ngày 25/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, sửa đổi Thông tư số 35/2014/TT-NHNN quy định phí rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thông tư số 26/2019/TT-NHNN ngày 25/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng kèm theo Quyết định số 38/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành;
- Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 40/2011/TT-NHNN quy định về cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Thương mại

- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ về biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý Nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp;
- Quyết định số 35/2019/QĐ-TTg ngày 19/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế phối hợp liên ngành quản lý hoạt động nhập khẩu phế liệu;
- Quyết định số 3660/QĐ-TCHQ ngày 19/12/2019 của Tổng cục Hải quan về quy chế trao đổi thông tin tờ khai hải quan điện tử, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, bảo lãnh thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thu nộp tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đối với các cơ quan quản lý, lập chứng từ trực tiếp hoặc chuyển thông tin phải thu của người nộp thuế qua Cổng thanh toán điện tử của Tổng cục Hải quan;
- Quyết định số 2681/QĐ-BTC ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đính chính Thông tư số 60/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 39/2015/TT-BTC quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quyết định số 3605/QĐ-TCHQ ngày 13/12/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về Quy chế tổ chức thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;
- Quyết định số 3624/QĐ-BCT năm 09/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu D điện tử;
- Thông tư số 41/2019/TT-BCT ngày 16/12/2019 của Bộ Công Thương bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Thông tư của Bộ Công Thương.

Y tế

- Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030;
- Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về bộ biểu mẫu theo dõi và giám sát hoạt động của trạm y tế xã;
- Quyết định số 5859/QĐ-BYT ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn “Bộ công cụ đào tạo cho cán bộ y tế triển khai Thông tư số 24/2017/TT-BYT quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”;
- Thông tư số 34/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định

về tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y và tổ chức chỉ đạo hoạt động kết hợp quân dân y;

- Thông tư số 33/2019/TT-BYT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;
- Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về yêu cầu đối với sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường.
- Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi Thông tư số 34/2017/TT-BYT về hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

Giao thông vận tải

- Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;
- Quyết định số 6987/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2019 của Bộ Giao thông Vận tải công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải;
- Thông tư số 49/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn về quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội;
- Thông tư số 86/2019/TT-BTC ngày 03/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Nhà nước đầu tư quản lý.

Xây dựng

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 sửa đổi nghị định thuộc lĩnh vực hạ

tăng kỹ thuật;

- Nghị định số 95/2019/NĐ-CP ngày 16/12/2019 sửa đổi Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP về quản lý vật liệu xây dựng do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội bãi bỏ Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trong lĩnh vực xây dựng;
- Quyết định số 1901/QĐ-BKHĐT ngày 03/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BXD ngày 17/12/2019 hợp nhất Thông tư về quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

Đất đai

- Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 quy định về khung giá đất;
- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

Tài nguyên - Môi trường

- Quyết định số 3196/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và Môi trường (Phiên bản 2.0);
- Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030;
- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước;
- Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên

và Môi trường quy định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

- Thông tư số 22/2019/TT-BTNMT ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ;
- Thông tư số 21/2019/TT-BTNMT ngày 20/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia;
- Thông tư số 20/2019/TT-BTNMT ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường.

Thông tin - Truyền thông

- Quyết định số 2228/QĐ-BTTTT ngày 20/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố thủ tục hành chính mới lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Quyết định số 5188/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dữ liệu người dân dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dữ liệu doanh nghiệp dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 5186/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục điện tử dùng chung tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 2111/QĐ-BTTTT ngày 04/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông";
- Thông tư số 51/2019/TT-BGTVT ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống thông tin duyên hải để cung ứng dịch vụ thông tin duyên hải;
- Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT ngày 05/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và

dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa;

- Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Hành chính - Tư pháp

- Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 sửa đổi Nghị định số 30/2018/NĐ-CP về hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;
- Quyết định số 201/QĐ-HĐLSTQ ngày 13/12/2019 của Hội đồng Luật sư Toàn quốc về Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam;
- Quyết định số 2192/QĐ-BHXXH ngày 10/12/2019 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong ngành Bảo hiểm xã hội;
- Quyết định số 7023/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội bãi bỏ Quyết định số 4045/QĐ-UBND và 4046/QĐ-UBND do Thành phố Hà Nội ban hành;
- Quyết định số 599/QĐ-VKSTC ngày 06/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao quy định về công tác hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, nghiệp vụ; báo cáo thỉnh thị, trả lời thỉnh thị trong ngành Kiểm sát Nhân dân;
- Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường Nhà nước;
- Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về biện pháp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác bồi thường Nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05/12/2019 của Tòa án Nhân dân Tối cao và Bộ Ngoại giao, quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài;
- Thông tư số 184/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đồ vật cấm và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi

chấp hành án phạt tù;

- Thông tư số 183/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức bộ máy cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội;
- Thông tư số 182/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư, nhận quà và liên lạc với thân nhân bằng điện thoại;
- Thông tư số 181/2019/TT-BQP ngày 03/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ do quân đội quản lý, thi hành thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc.

Văn bản khác

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học sửa đổi;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 hướng dẫn Luật Trồng trọt và giống cây trồng và canh tác;
- Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/12/2019 của Chính phủ về ký Hiệp định giữa Việt Nam - Síp về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập;
- Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về Danh mục quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 178/2019/TT-BQP ngày 02/12/2019 của Bộ Quốc phòng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với chức danh quản lý tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý; cử, cử lại, miễn nhiệm đối với Người đại diện phần vốn nhà nước, giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 180/2019/TT-BQP ngày 03/12/2019 của Bộ Quốc phòng quy định về trình tự, thủ tục đề xuất, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trong Bộ Quốc phòng.

Địa chỉ liên hệ

Văn phòng tại Hà Nội

Phạm Nghiễm Xuân Bắc

Tổng Giám đốc

Lưu Tiến Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Lê Quỳnh Anh

Giám đốc Công ty Luật

Nguyễn Nguyệt Dzung

Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội

49 Phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-24-3934 0629 / 3826 4797 - Fax: 84-24-3934 0631

E-mail: vision@vision-associates.com

Văn phòng tại TP. HCM

Lưu Tiến Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân

Giám đốc Văn phòng tại TP. HCM

Phòng 905, Tầng 9, CitiLight Tower

45 Đường Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-28-3823 6495 - Fax: 84-28-3823 6496

E-mail: hcmvision@vision-associates.com

www.vision-associates.com